TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 850/2023/DS-PT
Ngày 20 - 12 - 2023
"V/v tranh chấp chia thừa kế "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hà Văn Hừng- Kiểm sát viên cao cấp.

Từ ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2023/DSPT ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3008/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1965; địa chỉ: số B đường H, khóm A, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1970; địa chỉ: số E đường T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: số E đường T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Huy Q, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: A E Medlock DR APT 3 P, AZ 85014 – 3209, USA.

5. Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số E đường T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Huy B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Huy B trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn P và cụ Phạm Thị Đ có 05 người con chung gồm: Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Huy B, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Huy Q. Cụ Nguyễn Văn P (chết ngày 05/02/2019) và cụ bà Phạm Thị Đ (chết ngày 19/9/2015) không có để lại di chúc và có để lại di sản gồm: Căn nhà cấp 4 (03 tầng) diện tích sàn 108,9m^2 có kết cấu tường gạch, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch men gắn liền với thửa đất 419 có diện tích 42,6m^2, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại số E đường T khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nay ông Nguyễn Huy B yêu chia di sản thừa kế do ông P và bà Đ để lại theo quy định pháp luật để ông được hưởng 01 suất thừa kế, yêu cầu được hưởng phần giá trị tài sản với số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 31/8/2022 ông B thay đổi yêu cầu xin hưởng bằng hiện vật ông đồng ý thanh toán cho các thừa kế mỗi người bằng 200.000.000 đồng.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ H là bị đơn trình bày: Bà thống nhất theo trình bày của ông Nguyễn Huy B về hàng thừa kế, khi sinh thời cụ P và cụ Đ có tạo lập được căn nhà gắn liền thửa đất 419 diện tích 42,6m^2, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại số E đường T, khóm D, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Cụ P và cụ Đ chết không có để lại di chúc. Về căn nhà gắn liền thửa đất số 419 khi cụ P và cụ Đ mất thì căn nhà đã cũ xuống cấp nên chị Nguyễn Thị Thúy V ở nước ngoài có gửi tiền về cho 300.000.000 đồng vào năm 2007 để cho vợ chồng bà xây dựng lại.

Nay ông Nguyễn Huy B khởi kiện, bà đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ theo quy định pháp luật, bà H yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà gắn liền với thửa đất 419 và đồng ý hoàn lại giá trị tài sản 01 suất là 100.000.000 đồng.

- Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H, cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị Đ có tất cả 05 người con chung như lời trình bày của ông B là đúng, cha mẹ bà khi chết không có để lại di chúc, cha mẹ bà chỉ có căn nhà cũ gắn liền với thửa đất 419, tọa lạc tại số E đường T, khóm D, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh mà bà Nguyễn Thị Mỹ H đang quản lý sử dụng

dùng để thờ cúng. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B và trường hợp Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật và bà được hưởng 01 phần di sản thừa kế thì bà đồng ý giao lại phần di sản này cho bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy Q trình bày:*

Ông là con chung của ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị Đ, cha mẹ ông có 05 người con chung như lời trình bày của ông B là đúng, cha mẹ ông khi còn sống có tạo lập được căn nhà gắn liền thửa đất 419, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại số E đường T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh hiện bà Nguyễn Thị Mỹ H đang quản lý sử dụng, nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B, thì ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Mỹ H, sự việc tranh chấp chia thừa kế là việc của anh em bà H ông là người chung sống tại căn nhà này từ khi cưới bà H, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B.

Tuyên xử:

1. Chia thừa kế di sản căn nhà số E T, khóm D, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh của cụ Nguyễn Văn P và cụ Phạm Thị Đ cho hàng thừa kế thứ nhất gồm Nguyễn Huy B, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Huy Q.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền sở hữu căn nhà số E T, khóm D, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh gắn liền thửa đất số 419 tờ bản đồ số 5 diện tích 42,6 m^2.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ H thanh toán kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Huy B, Nguyễn Huy Q mỗi người bằng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

4. Giao kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Thúy V cho bà Nguyễn Thị Mỹ H quản lý.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Huy B kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu định giá lại tài sản và chia lại thừa kế theo giá trị di sản mới sau định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày*:* Ông B thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu định giá lại tài sản đang tranh chấp. Ông B yêu cầu bà H giao lại cho ông kỷ phần thừa kế với số tiền 125.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T là chồng của bà H, nay nguyên đơn ông B yêu cầu thay đổi kháng cáo yêu cầu bà H thanh toán cho ông B số tiền 1 kỷ phần thừa kế với số tiền 125.000.000 đồng thì vợ chồng ông đồng ý giao cho ông B số tiền 125.000.000 đồng. Yêu cầu được nhận căn nhà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy Q trình bày: Ông đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy B làm trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án tranh chấp tài sản thừa kế có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy V đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3 điều 35 và khoản 1 điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Huy B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Huy Q có mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Kiều T1 vắng mặt có văn bản đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Huy B xét thấy:

[3.1] Về việc xác định người thừa kế, hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn P (chết ngày 05/02/2019) và cụ Phạm Thị Đ (chết ngày 19/9/2015) gồm: Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Huy B, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị Mỹ H, và Nguyễn Huy Q.

[3.2] Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật:

Cụ P và cụ Đ chết không có để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Theo kết quả định giá ngày 31/8/2022 giá trị nhà và đất bằng 474.965.000 đồng. Phần sửa chữa làm thêm của ông T và bà H bằng 12.423.500 đồng.

Bà H từ nhỏ đến lớn chung sống với cụ P và cụ Đ, sau khi hai cụ mất bà là người trực tiếp bảo quản giữ gìn di sản và thờ cúng ông bà. Hiện nay các thừa kế Nguyễn Huy B, Nguyễn Huy Q, Nguyễn Thị Tuyết L có nhà ở riêng, bà Thúy V đang ở nước ngoài; không có nhu cầu về nhà ở. Hiện nay bà H, ông T và các con bà H không có chỗ ở nào khác. Bà H từ nhỏ chung sống với cha mẹ, sau khi cụ P và cụ Đ chết bà H là người trực tiếp quản lý sử dụng nhà, trong quá trình ở bà H và ông T có cải tạo tráng sân nhà làm lại lan can tầng 2, lợp lại mái tol nhà; bà H và ông T có nhu cầu về chỗ ở nên cần thiết giao cho bà H và ông T được nhận hiện vật là căn nhà để ở và thờ cúng ông bà, cha mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà H được tiếp tục quản lý sử dụng nhà và bà H phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế là có căn cứ.

Bà H có công sức giữ gìn bảo quản tài sản nên trích cho bà được hưởng 10% giá trị di sản tương đương 47.496.500 đồng.

Giá trị di sản còn lại chia thừa kế theo pháp luật 474.965.000 đồng – 47.496.000 đồng = 427.469.000 đồng. Chia thừa kế cho 5 kỷ phần thừa kế 427.469.000 đồng/5 =85.493.700 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L nhường phần thừa kế của bà được hưởng cho bà H nên ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V1 được hưởng số tiền 85.493.700 đồng do bà Nguyễn Thị Tuyết V1 đang cư trú ở nước ngoài Tòa án đã ủy thác tư pháp hợp lệ nhưng bà không có ý kiến. Căn cứ án lệ số 06/2016/AL giao phần thừa kế bà V1 cho bà H quản lý, bà V1 có quyền yêu cầu bà H thanh toán kỷ phần thừa kế trong một vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đồng ý thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Huy B, Nguyễn Huy Q mỗi người bằng 100.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Huy B thay đổi yêu cầu kháng cáo không yêu cầu định giá lại tài sản mà chỉ yêu cầu bà H thanh toán cho ông B số tiền 125.000.000 đồng. Ông T là chồng của bà H cũng đồng ý trả cho ông B số tiền 125.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện này của vợ chồng bà H, ông T nên cần ghi nhận.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền sở hữu căn nhà số E T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh gắn liền thửa đất số 419 tờ bản đồ số 5 diện tích 42,6 m^2.

[4] Xét thấy tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau, nên ghi nhận sự thỏa thuận này sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Huy B phải chịu số tiền 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007298 ngày 29/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Ông B còn phải nộp thêm số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Huy Q phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Thúy V (do bà H nộp thay) phải chịu 4.274.685 (bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 8.223.565 (tám triệu hai trăm hai mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Huy B. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 320/2022/QĐ-SCBSBA ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy B.

Tuyên xử:

1. Chia thừa kế di sản căn nhà số E T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh của cụ Nguyễn Văn P và cụ Phạm Thị Đ cho hàng thừa kế thứ nhất gồm Nguyễn Huy B, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Huy Q.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền sở hữu căn nhà số E T, khóm D, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh gắn liền thửa đất số 419 tờ bản đồ số 5 diện tích 42,6 m^2.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Huy B số tiền 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, Nguyễn Huy Q số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

4. Giao kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Thúy V cho bà Nguyễn Thị Mỹ H quản lý.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Huy B phải chịu số tiền 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007298 ngày 29/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Ông B còn phải nộp thêm số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Huy Q phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Thúy V (do bà H nộp thay) phải chịu 4.274.685 (bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 8.223.565 (tám triệu hai trăm hai mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông B số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012878 ngày 30/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu.

Vương Minh Tâm